

Bản án số: 156/2022/DS-ST
Ngày: 24/11/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;
2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1948; địa chỉ: số nhà 17, Nguyễn Huệ, ấp Thị, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H trình bày, do chỗ quen biết với bà Trương Thị N cho nên vào ngày 16/7/2022(al) bà có cho bà N vay số tiền 87.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau đó bà N trả vốn 5.000.000 đồng /tháng, bà N đóng lãi được 12 tháng thì ngưng đến nay. Tại phiên tòa bà H khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) không yêu cầu trả số tiền tiền lãi 125.280.000, yêu cầu bà Trương Thị N mỗi tháng trả dần 10.000.000 đồng, thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 15/ 01/2023 đến khi trả xong số nợ 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị N trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 16/7/2022(al) bà vay của bà H số tiền 87.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau đó bà có trả vốn 5.000.000 đồng /tháng, đóng lãi được 12 tháng thì ngưng đến nay. Việc đóng lãi và trả vốn không làm giấy tờ, do chỗ bà con quen biết. Tại phiên tòa bà H khởi kiện yêu cầu bà có nghĩa vụ trả số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) mỗi tháng trả dần 10.000.000 đồng, thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 15/ 01/2023 đến khi trả xong số nợ 57000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) thì bà không có khả năng thực hiện, cho bà xin trả 04 tháng/lần/3.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ 57000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) cho bà xin phân lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 16/7/2015(al), giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn không có ý kiến

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết, ngày 16/7/2015al bà Nguyễn Hồng H có cho bà Trương Thị N vay số tiền 87.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trả vốn 5.000.000đồng/tháng. Bà N đã đóng lãi được 12 tháng thì ngưng đến nay. Nên bà Hòa khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 87.000.000đồng và 125.280.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 30.000.000đồng và 125.280.000đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu bà N trả 57.000.000đồng.

Phía bà N thừa nhận có nợ bà H số tiền 57.000.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ, thời gian thực hiện từ ngày 15/01/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà N xin trả 04 tháng/lần/ 3.000.000đồng tháng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H, bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thể hiện trên biên nhận nợ có chữ ký tên xác nhận của bà N đã nhận từ bà H với số tiền 87.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N

đã trả được 30.000.000đồng, còn lại 57.000.000đồng nên bà H khởi kiện là có phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với, số tiền gốc 30.000.000đồng và tiền lãi 125.280.000đồng, do bà H đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu xin trả dần 04 tháng/lần/ 3.000.000đồng tháng cho đến khi hết nợ của bà N thì bà H đồng ý nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Hồng H với bà Trương Thị N.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng H.
- Buộc bà Trương Thị N trả bà Nguyễn Hồng H số tiền 57.000.000đồng.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng H đối với số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi 125.280.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà H khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền vay 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Bà N có nơi cư trú ấp Long Phú 2, xã Long Điền, huyện Chợ M, tỉnh An Giang nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời trình bày của bà H tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà H với bà N có thỏa thuận với nhau việc vay tiền vào ngày 16/7/2015 (al) vay số tiền 87.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau đó bà N có trả vốn 5.000.000 đồng /tháng, đóng lãi được 12 tháng thì ngưng đến nay, do thời gian lâu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H có nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà H có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà H, bà N cho rằng bà khó khăn xin trả dần cho bà H trả 04 tháng/lần/3.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) cho bà xin phần lãi.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của bà H phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Bà H yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà N nhận thấy, giữa bà H với bà N cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, trong quá trình làm việc thì bà N cho rằng bà cũng thừa nhận nợ nhưng cho trả dần 04 tháng/lần/3.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 57.000.000 đồng, việc xin trả dần này không được phía bà H chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà N không có căn cứ để chấp nhận. Đối với lời trình bày của bà H và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà H. Nghĩ nên buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa bà H xin rút lại số tiền 30.000.000 đồng và số tiền lãi 125.280.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp với Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trương Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng H.

Buộc bà Trương Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng H số tiền vốn vay 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng H đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi 125.280.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị N phải chịu 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

